CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Xây dựng số 3 Hải Phòng

Ngày 31/03/2025	26,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-5.4%	**-5.4%**	**1.8%**

DT thuần
Q1/25
14.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▼7.40| -33.6%
YoY: ▼4.30| -22.7%

LN thuần
Q1/25
7.48
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.70| 56.5%
YoY: ▼8.32| -52.7%

LN sau thuế
Q1/25
6.94
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.78| 34.5%
YoY: ▼6.26| -47.4%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/25
59.8%
YoY: +/-▲ 29.2%

ROE (TTM)
Q1/25
4.2%
YoY: +/-▼ 1.0%

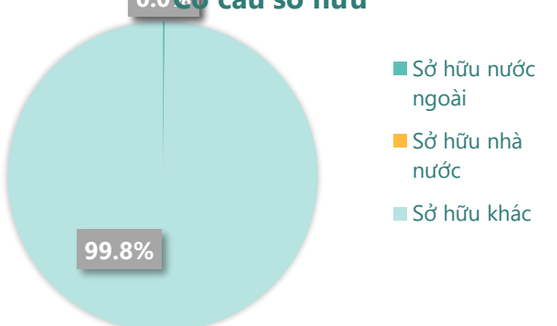
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	20,600 - 28,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	548
Số lượng CPLH (CP)	20,685,717
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,640
Sở hữu nước ngoài	0.2%
Beta	0.09
EPS	1,455
P/E	18.2

DT thuần
2024
78.5
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 16.7| 27.0%

LN thuần
2024
42.2
tỷ VNĐ
YoY: ▼24.9| -37.1%

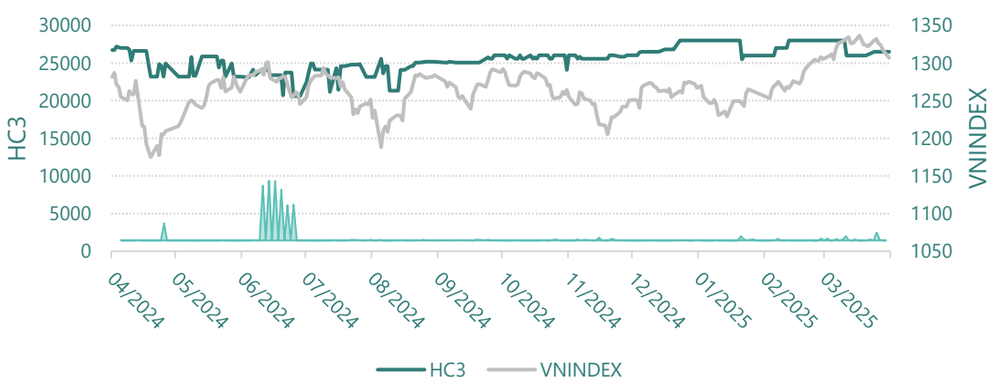
LN sau thuế
2024
36.4
tỷ VNĐ
YoY: ▼22.2| -37.9%

Cơ cấu sở hữu

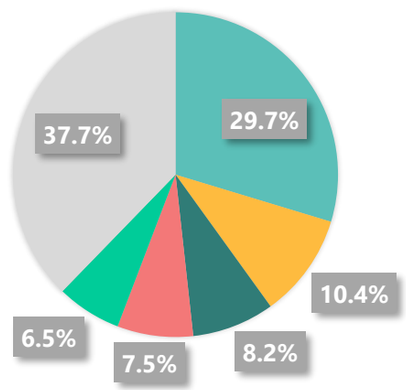


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

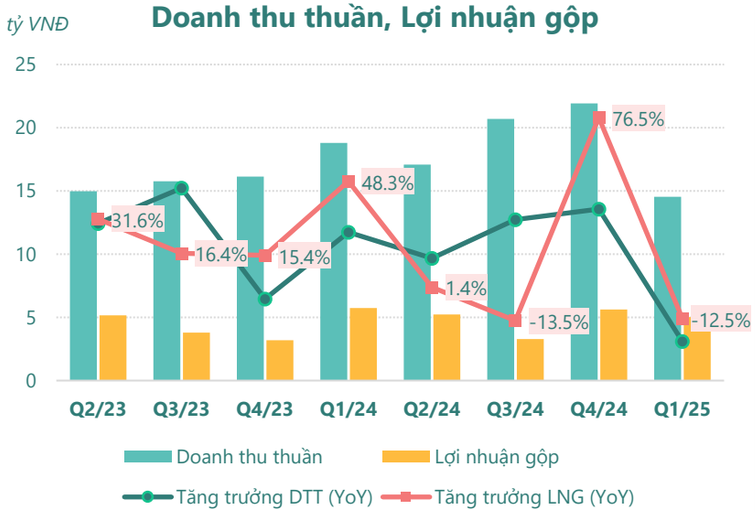


- Phạm Kỳ Hưng (Chủ tịch HĐQT)
- Phạm Đức Duy (Thành viên HĐQT)
- Nguyễn Thị Thúy (Tổng giám đốc)
- Phạm Thị Kim Thoa
- Đào Viết Trúc
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

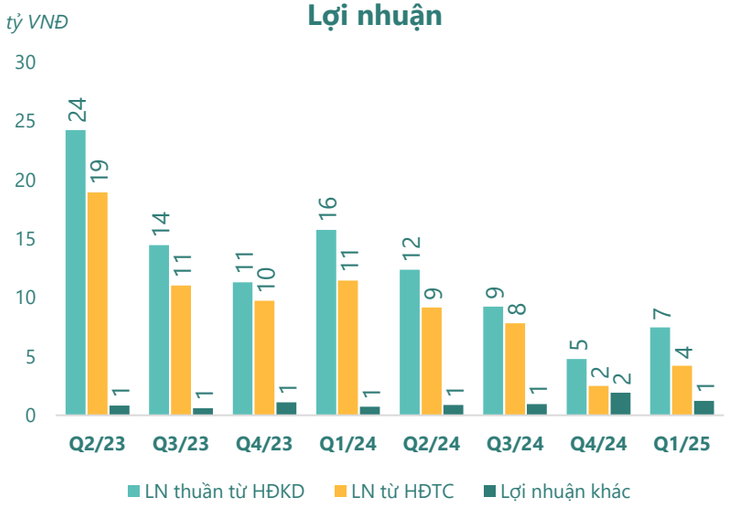
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



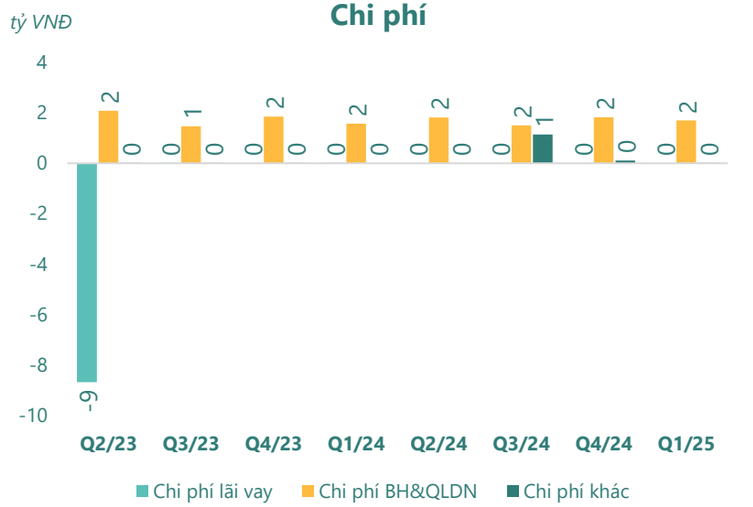
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



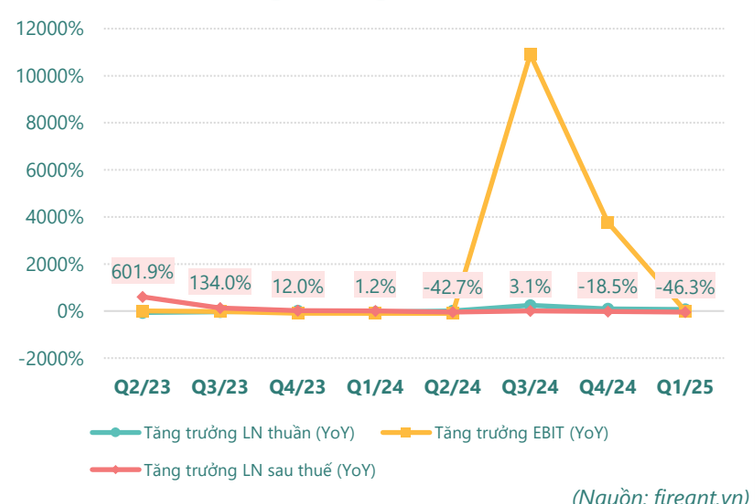
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



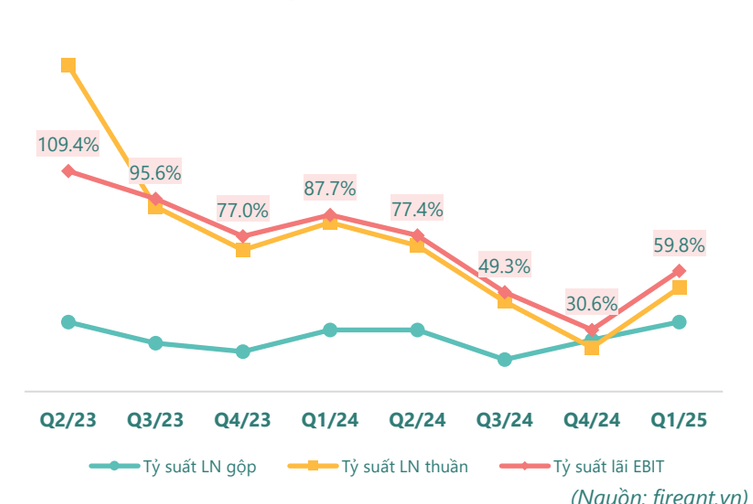
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



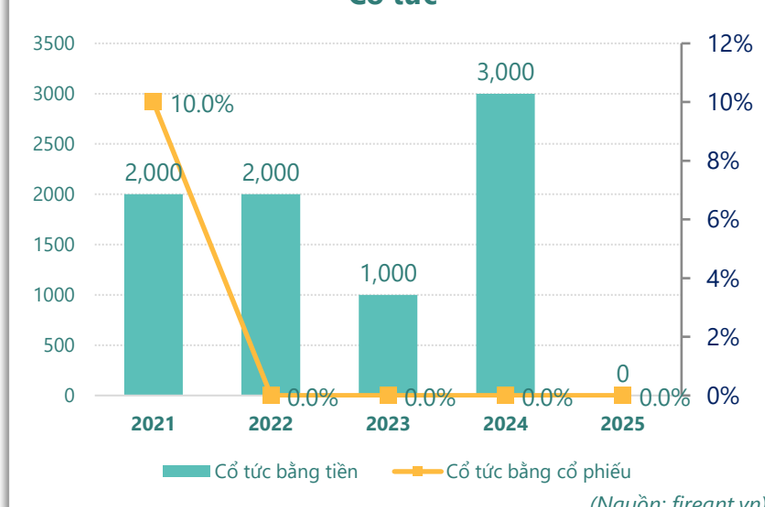
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

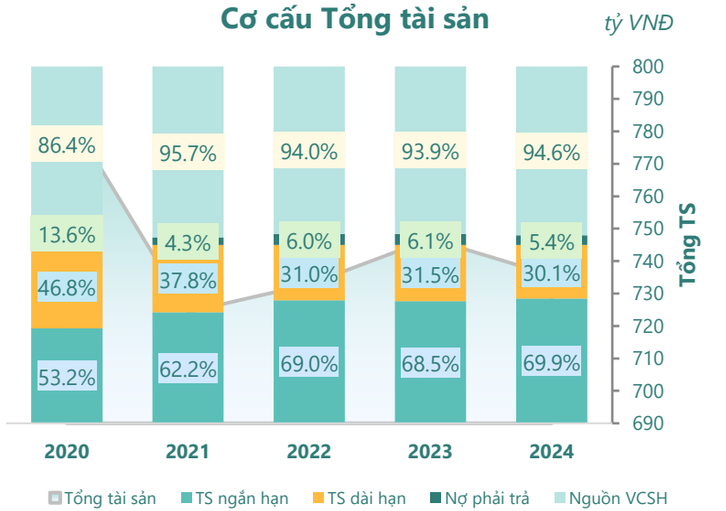
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

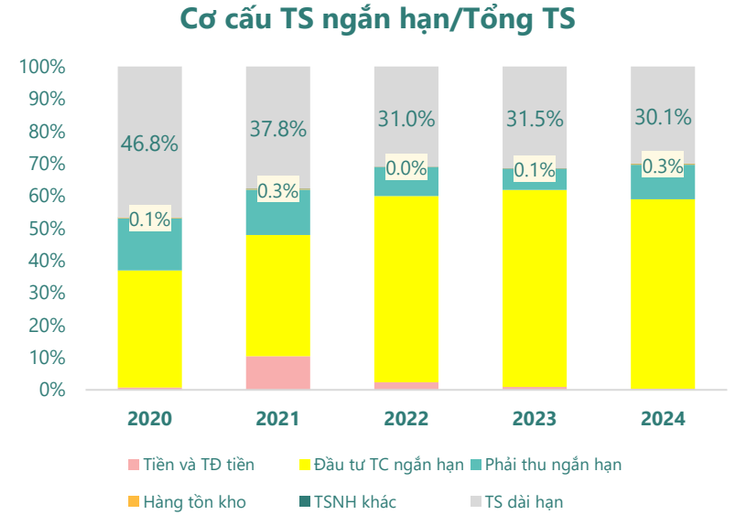
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



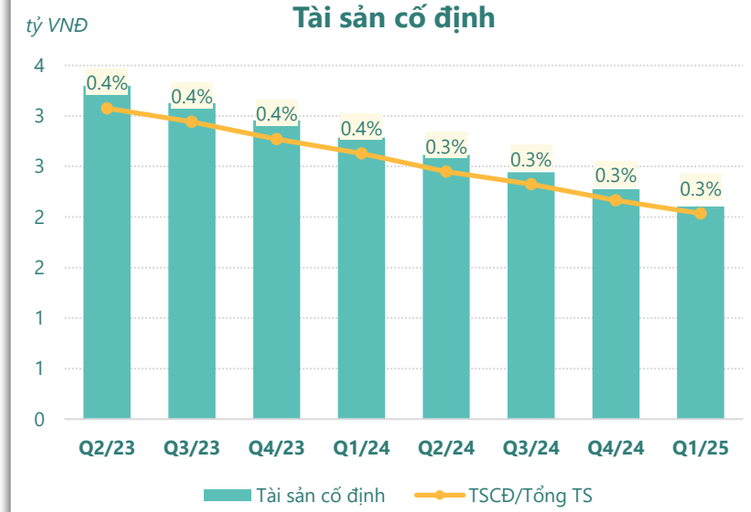
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



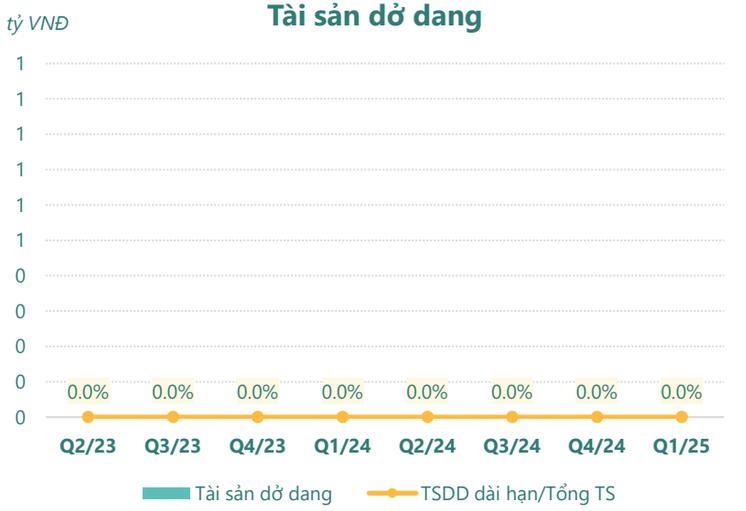
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



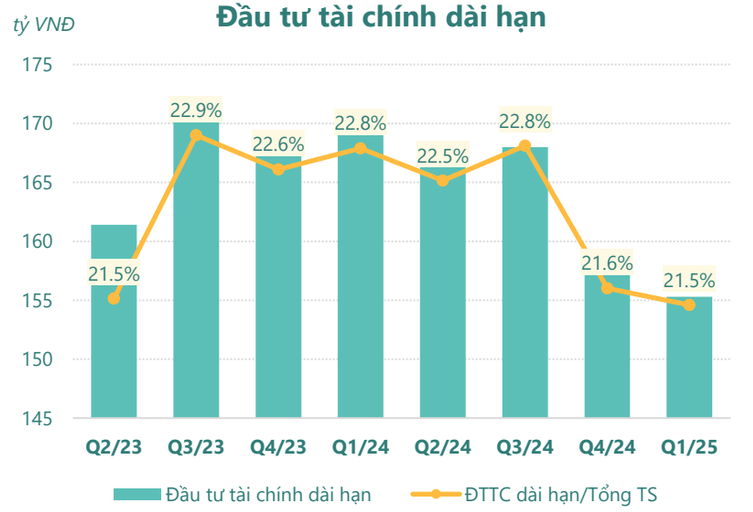
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



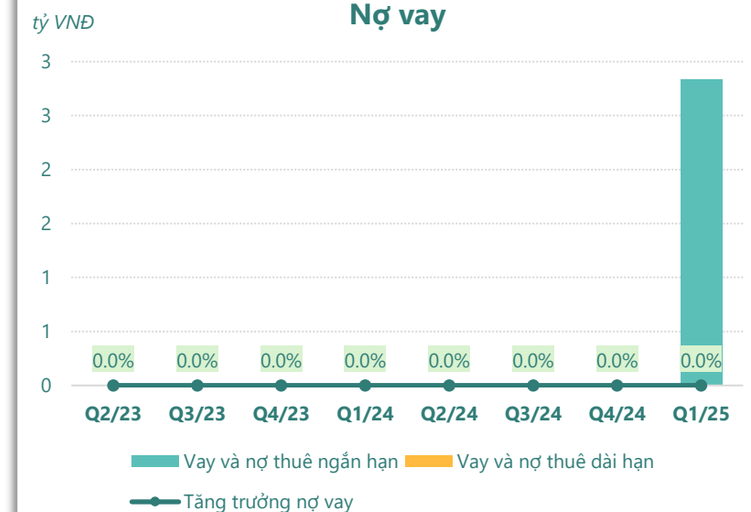
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

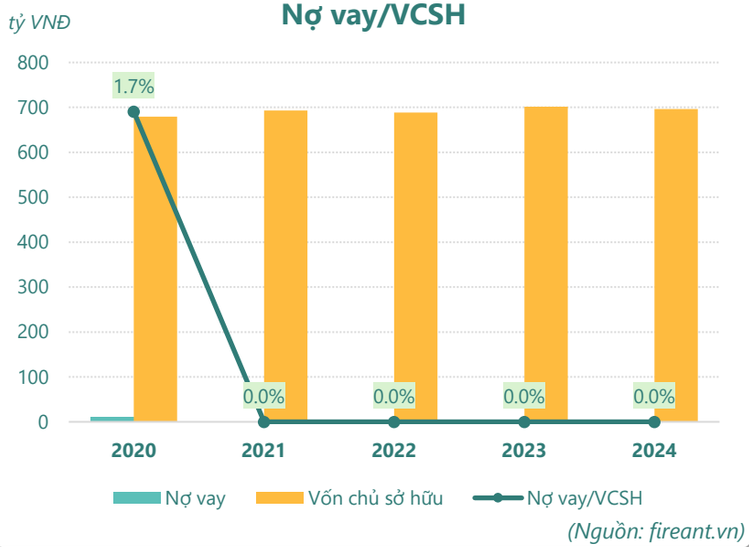
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

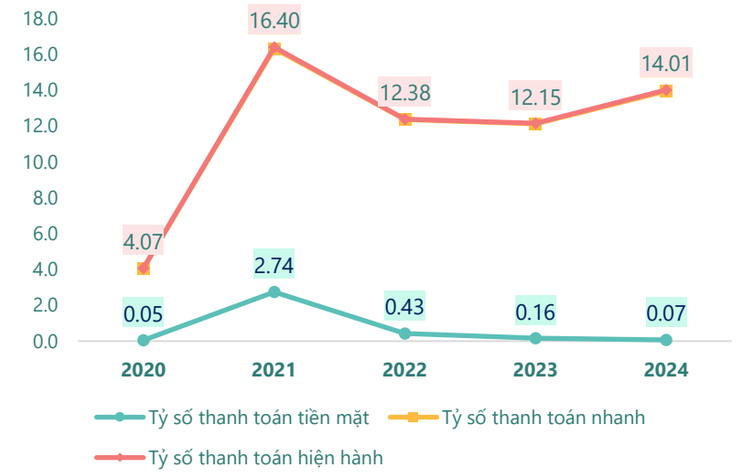
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



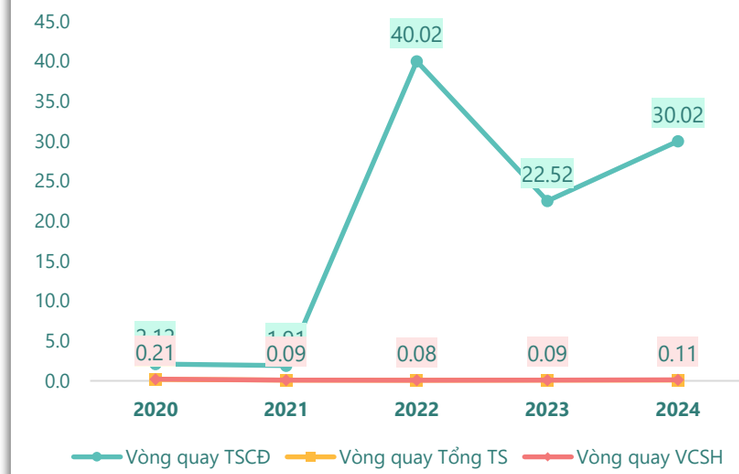
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



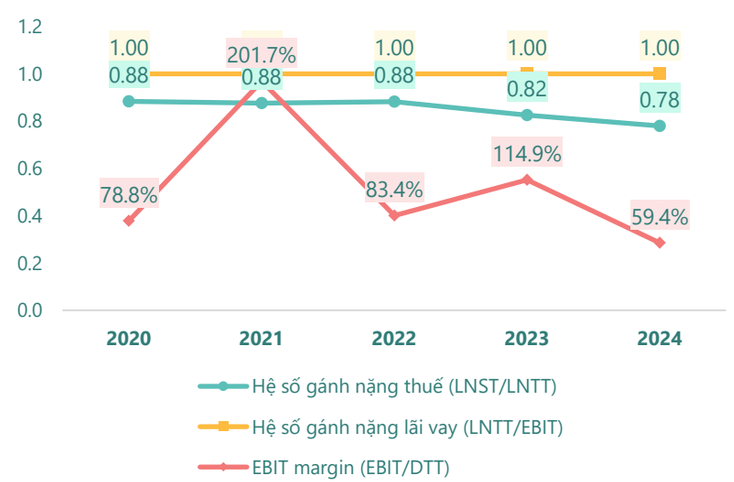
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



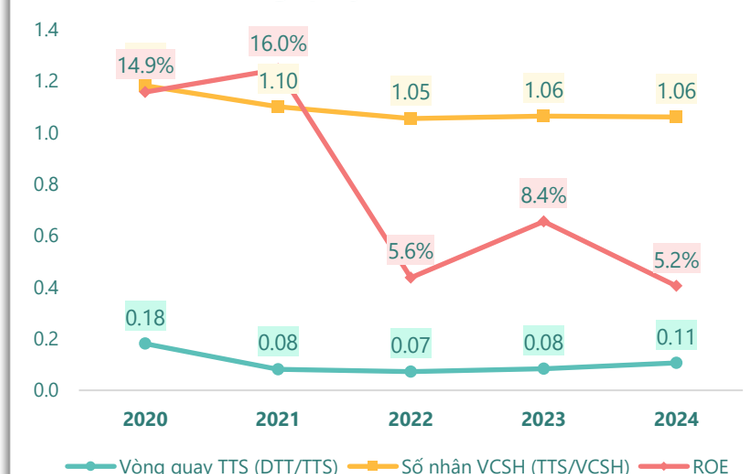
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



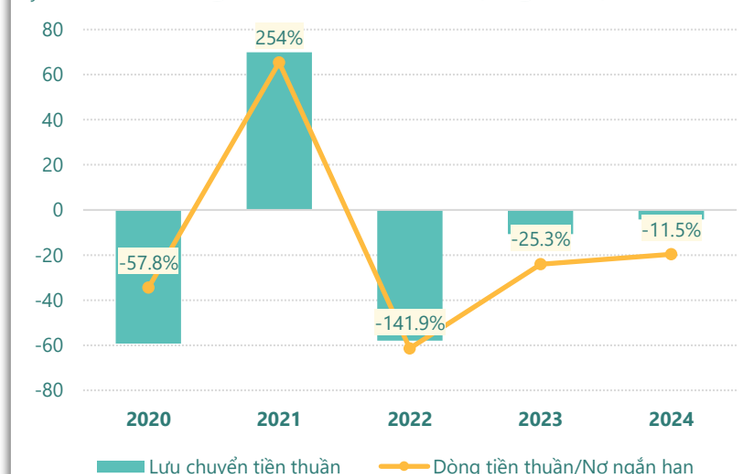
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**14.5**	**18.8**	**-22.7%**	**78.5**	**61.8**	**27.0%**
Giá vốn hàng bán	9.52	13.1	-27.3%	58.6	45.8	28.0%
Lợi nhuận gộp	5.01	5.73	-12.5%	19.9	16.0	24.2%
Doanh thu HĐTC	5.41	8.28	-34.7%	33.2	38.1	-12.8%
Chi phí TC	1.19	-3.18	138%	2.32	-14.0	117%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0.00	-100%
LN trong công ty LKLD	**-0.05**	**0.14**	**-138%**	**-1.91**	**5.80**	**-133%**
Chi phí bán hàng	0.06	0.06	2.1%	0.33	0.22	48.5%
Chi phí QLDN	**1.64**	**1.51**	**8.4%**	**6.40**	**6.56**	**-2.5%**
LN thuần từ HĐKD	7.48	15.8	-52.7%	42.2	67.1	-37.1%
Lợi nhuận khác	**1.22**	**0.72**	**69.2%**	**4.47**	**3.95**	**13.0%**
LN trước thuế	8.70	16.5	-47.3%	46.6	71.0	-34.4%
Lợi nhuận sau thuế	**6.94**	**13.2**	**-47.4%**	**36.4**	**58.6**	**-37.9%**
LNST của CĐ cty mẹ	**6.94**	**13.2**	**-47.4%**	**36.4**	**58.6**	**-37.9%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0.10	2.88	-16.5	15.2	-49.1	-11.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-32.5	18.5	11.7	-15.9	49.6	23.6
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	-20.7	-0.39	0.39	0	-13.0
Tiền đầu kỳ	39.1	6.70	7.46	2.25	1.92	2.47
Lưu chuyển tiền thuần	**-32.4**	**0.76**	**-5.21**	**-0.33**	**0.55**	**-0.45**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	0	0	0.00	0
Tiền cuối kỳ	6.70	7.46	2.25	1.92	2.47	2.02

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**724**	**736**	**-1.6%**
Tài sản ngắn hạn	506	515	-1.7%
Tiền và tương đương tiền	2.02	2.47	-18.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	419	431	-2.8%
Phải thu ngắn hạn	81.7	78.5	4.1%
Hàng tồn kho	2.44	1.90	28.0%
Tài sản ngắn hạn khác	0.28	0.29	-3.8%
Tài sản dài hạn	**218**	**221**	**-1.4%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	2.10	2.27	-7.5%
Bất động sản đầu tư	53.0	54.3	-2.4%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	155	157	-1.1%
Tài sản dài hạn khác	**7.56**	**7.51**	**0.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	22.4	39.6	-43.5%
Nợ ngắn hạn	**19.5**	**36.7**	**-46.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2.83	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	0.64	0.71	-10.0%
Nợ dài hạn	2.83	2.83	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**701**	**696**	**0.8%**
Vốn chủ sở hữu	**701**	**696**	**0.8%**
Vốn điều lệ	207	207	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)